

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Tên chương trình (tiếng Việt): **NGÔN NGỮ ANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **English Linguistics**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8220201

Hình thức đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Ngoại ngữ

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

07C

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Tên chương trình (tiếng Việt): **NGÔN NGỮ ANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **English Linguistics**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8220201

Hình thức đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Ngoại ngữ

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-DCT ngày tháng năm 202
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): NGÔN NGỮ ANH

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): English Linguistics

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành: 8220201

Lĩnh vực: VII – Nhân văn

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo này được xây dựng theo định hướng đăng ký đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (MOET).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu)

1.1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng nghiên cứu tại Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh (HUIT) có các mục tiêu chung sau: (i) Cung cấp kiến thức chuyên sâu và kỹ năng nghiên cứu về ngôn ngữ Anh, văn học và văn hóa liên quan, nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của xã hội và nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế. (ii) HUIT kỳ vọng người tốt nghiệp chương trình sẽ nắm vững kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, có khả năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề trong lĩnh vực này, từ đó tạo ra các giải pháp sáng tạo và hiệu quả cho doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng. (iii) Chương trình nhằm trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu, từ việc phân tích ngôn ngữ đến nghiên cứu văn học và văn hóa nước ngoài, nhằm thúc đẩy sự phát triển và tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu cụ thể cho Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu gồm:

a. *Trang bị kiến thức chuyên sâu:*

- Cung cấp kiến thức vững chắc về cấu trúc ngôn ngữ Anh, bao gồm cả ngữ pháp, từ vựng, và cấu trúc câu.
- Phân tích sâu sắc về các lĩnh vực chuyên ngành như ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, và phương pháp giảng dạy ngôn ngữ.
- Tạo cơ hội cho học viên nắm vững và thực hành các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.

b. *Phát triển kỹ năng nghiên cứu:*

- Hướng dẫn và thực hành các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa, từ việc đặt câu hỏi nghiên cứu đến thu thập dữ liệu và phân tích kết quả.
- Khuyến khích học viên tham gia vào các dự án nghiên cứu, bài báo khoa học và các hoạt động học thuật khác dưới sự hỗ trợ của giảng viên.

c. *Phát triển phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong nghề nghiệp:*

- Xây dựng ý thức trách nhiệm xã hội và lòng yêu nghề nghiệp trong học viên thông qua các hoạt động ngoại khóa và thực tập.
- Đào tạo học viên về các chuẩn mực đạo đức và tác phong nghề nghiệp trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh, bao gồm cả trách nhiệm với cộng đồng ngôn ngữ và văn hóa quốc tế.

d. *Chuẩn bị cho việc làm và nghiên cứu sau khi tốt nghiệp:*

- Cung cấp các công cụ và kỹ năng cần thiết để học viên có thể ứng dụng kiến thức và kinh nghiệm của mình vào các lĩnh vực như giáo dục, dịch thuật, biên phiên dịch, nghiên cứu, và ngành truyền thông.
- Tạo điều kiện cho học viên phát triển mạng lưới quan hệ và tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp thông qua các buổi tư vấn, sự kiện networking, và các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp và tổ chức có liên quan.

Những mục tiêu này sẽ giúp đảm bảo rằng sau khi hoàn thành chương trình, học viên sẽ có đủ năng lực và tự tin để tham gia vào thị trường lao động và/hoặc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh và văn hóa quốc tế.

1.2. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng)

1.2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh (HUIT) nhằm: (i) Cung cấp kiến thức chuyên sâu và kỹ năng ứng dụng về ngôn ngữ Anh, văn học và văn hóa liên quan, để học viên có thể áp dụng hiệu quả vào các lĩnh vực thực tiễn trong xã hội và nền kinh tế, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng phát triển. (ii) Đào tạo học viên với khả năng áp dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh vào thực tiễn công việc, từ đó đề xuất và triển khai các giải pháp sáng tạo và hiệu quả cho doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng. (iii) Trang bị cho học viên kỹ năng ứng dụng nghiên cứu, từ việc áp dụng ngôn ngữ đến nghiên cứu văn học và văn hóa nước ngoài, nhằm thúc đẩy sự phát triển và tiên phong trong việc ứng dụng ngôn ngữ Anh trong thực tiễn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu cụ thể cho Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng gồm:

a. Trang bị kiến thức chuyên sâu:

- Cung cấp kiến thức sâu rộng về cấu trúc ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ pháp, từ vựng, và cấu trúc câu, có sự liên kết chặt chẽ với các ứng dụng thực tế trong môi trường làm việc.
- Phân tích và áp dụng các lĩnh vực chuyên ngành như ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, và phương pháp giảng dạy ngôn ngữ vào các tình huống thực tiễn.

b. Phát triển kỹ năng ứng dụng:

- Hướng dẫn và thực hành các phương pháp ứng dụng ngôn ngữ và văn hóa trong các bối cảnh công việc khác nhau, từ doanh nghiệp đến tổ chức phi chính phủ và các tổ chức phi lợi nhuận.
- Khuyến khích học viên tham gia vào các dự án ứng dụng, thực hiện các nghiên cứu áp dụng, và tham gia vào các hoạt động thực tiễn doanh nghiệp.

c. Phát triển phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong nghề nghiệp:

- Xây dựng ý thức trách nhiệm xã hội và lòng yêu nghề nghiệp trong học viên thông qua các hoạt động ngoại khóa và thực tập có liên quan đến thực tiễn công việc.

- Đào tạo học viên về các chuẩn mực đạo đức và tác phong nghề nghiệp trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh, đặc biệt là trong bối cảnh ứng dụng vào các môi trường làm việc khác nhau.

d. Chuẩn bị cho việc làm và nghiên cứu sau khi tốt nghiệp:

- Cung cấp các công cụ và kỹ năng cần thiết để học viên có thể áp dụng kiến thức và kinh nghiệm của mình vào các lĩnh vực như giáo dục, dịch thuật, nghiên cứu thị trường, và quảng cáo.
- Tạo điều kiện cho học viên phát triển mạng lưới quan hệ và tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp thông qua các buổi tư vấn, sự kiện networking, và các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp và tổ chức có liên quan.

Những mục tiêu này sẽ giúp đảm bảo rằng sau khi hoàn thành chương trình, học viên sẽ có đủ năng lực và tự tin để tham gia vào thị trường lao động và/hoặc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh và văn hóa quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp như sau:

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích được kiến thức liên ngành có liên quan vào công việc và cuộc sống	C4
PLO1.1	Minh họa các chủ đề kiến thức lý thuyết chuyên sâu có nội dung về ngôn ngữ, văn hóa, văn học nước ngoài với phương pháp luận khoa học	C3
PLO1.2	Phân tích những kiến thức liên ngành có liên quan đến ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài để đánh giá các vấn đề liên quan	C4
PLO2	Tổng hợp được kiến thức có hệ thống, sâu, rộng về các nguyên lý, lý thuyết và thực tế liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh	C5
PLO2.1	Phân tích các kiến thức chung về quản trị và quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và văn học nước ngoài	C5
PLO2.2	Tổng hợp những kiến thức liên ngành có liên quan để đánh giá các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	C5

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Áp dụng thành thạo phân tích dữ liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh	P4
PLO3.1	Phân tích các dữ liệu và thông tin liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa và văn học nước ngoài để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề nghiên cứu trọng tâm	P4
PLO3.2	Kết hợp được lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ phục vụ nghiên cứu các vấn đề trọng tâm	P4
PLO4	Áp dụng thành thạo kỹ năng trình bày, thảo luận về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn	P4
PLO4.1	Thể hiện thuần thục kỹ năng thuyết trình hoặc viết báo cáo các kết quả nghiên cứu khoa học	P4
PLO4.2	Thể hiện thành thục kỹ năng tìm kiếm các nguồn thông tin khoa học và bằng chứng khoa học (tổng quan lý thuyết)	P4
PLO5	Đáp ứng các nội dung liêm chính, tôn trọng đạo đức nghiên cứu và sở hữu trí tuệ	A4
PLO5.1	Đáp ứng các nội dung đạo đức nghiên cứu (research ethics) và sở hữu trí tuệ	A4
PLO5.2	Phân tích các nguyên tắc đạo đức để đưa ra các giải pháp trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Thể hiện chính xác kỹ năng trình bày và thảo luận bằng lời nói và văn bản, trực quan hóa dữ liệu, sử dụng ngôn ngữ là Tiếng Anh	P3
PLO6.1	Thực hiện đúng kỹ năng thuyết trình hoặc viết báo cáo các kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh	P3
PLO6.2	Thực hiện trích dẫn đúng các nguồn thông tin khoa học và bằng chứng khoa học (tổng quan lý thuyết) trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Khả năng tư duy, sử dụng công nghệ một cách sáng tạo và thực hiện nghiên cứu khoa học để tạo ra những hiệu	R4

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
	biết mới hoặc giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực ngành Ngôn ngữ Anh.	
PLO7.1	Điều hành và hướng dẫn người khác thực hiện các hoạt động chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và văn học	R4
PLO7.2	Phân tích và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và độc đáo	R4
PLO8	Áp dụng thành thực công tác quản lý các hoạt động phát triển chuyên môn và nghề nghiệp trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài.	P4
PLO8.1	Kết hợp các kỹ năng ra quyết định mang tính chuyên gia để phát triển chuyên môn và nghề nghiệp	P4
PLO8.2	Kết hợp các nguyên tắc đạo đức trong các giải pháp trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	P4

Ghi chú:

MĐNL (Mức độ năng lực) trong bảng này được đo theo các thang: Kiến thức (Bloom's Taxonomy- Cognitive domain); Kỹ năng hành vi (Bloom's Taxonomy - Psychomotor domain); Kỹ năng cảm xúc- thái độ (Bloom's Taxonomy - Affective domain) và Trình độ năng lực (Crawley-Proficiency Rating scale).

2.2. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
1.	0311100409		Triết học	Kiến thức chung	4(4,0,0)	Bắt buộc			C3			P3		R3
2.	0311102279	14100330	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ	Kiến thức chuyên ngành	3(3,0,0)	Bắt buộc	C4	C5		P4		P3	R4	P4
3.	0311102280	14100334	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Bắt buộc	C3		P4	P4			R4	P4
4.	0311102283	14100309	Định hướng mới trong ngành Ngôn ngữ Anh	Kiến thức chuyên ngành	3(3,0,0)	Bắt buộc	C3	C5	P4	P4		P3	R4	
5.	0311102287	14100333	Thống kê trong Ngôn ngữ	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Bắt buộc		C5	P4				R4	
6.	0311102292	14100320	Ngôn ngữ học phong cách	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Bắt buộc		C5		P4		P3	R4	

7.	0311102284	14100310	Giao tiếp liên văn hoá	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn	C4	C5		P4		P3	R4	
8.	0311102286	14100316	Ngôn ngữ học đối chiếu	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn	C3	C5	P4	P4		P3	R4	
9.	0311102304	14100332	Thiết kế nội dung môn học và phát triển tài liệu	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn	C4		P4	P4	A4	P3	R4	P4
10.	0311102336	14100307	Ngôn ngữ học ứng dụng	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5	P4			P3	R4	
11.	0311102288	14100322	Ngôn ngữ học tri nhận	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Bắt buộc		C5	P4				R4	P4
12.	0311102289	14100315	Nghiên cứu trong dịch thuật	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Bắt buộc	C3	C5	P4	P4		P3	R4	
13.	0311102290	14100311	Phân tích diễn ngôn	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Bắt buộc	C4	C5	P4	P4	A4	P3	R4	
14.	0311102309	14100327	Ngữ pháp chức năng hệ thống	Kiến thức	2(2,0,0)	Bắt buộc	C4	C5			A4		R4	

				chuyên sâu										
15.	0311102291	14100324	Ngôn ngữ học xã hội	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn	C3	C5	P4		A4	P3	R4	
16.	0311102293	14100302	Cấu trúc ngôn ngữ	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5	P4	P4				P4
17.	0311102294	14100326	Ngữ dụng học	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn			P4	P4		P3	R4	
18.	0311102295	14100337	Tiếng Anh chuyên ngành	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn	C3		P4			P3		
19.	0311102317	14100314	Lý thuyết dịch nâng cao	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4		P3		P4
20.	0311102301	14104322	Thực tập *	Báo cáo, chuyên đề nghiên cứu	3(0,3,0)	Bắt buộc		C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4
21.	0311102298	14100304	Chuyên đề nghiên cứu 1	Báo cáo, chuyên	3(0,3,0)	Bắt buộc	C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4	

				đề nghiên cứu										
22.	0311102299	14100305	Chuyên đề nghiên cứu 2	Báo cáo, chuyên đề nghiên cứu	3(0,3,0)	Bắt buộc	C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4	
23.	0311102300	14100306	Chuyên đề nghiên cứu 3	Thực tập	3(0,3,0)	Bắt buộc	C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4	
24.	0311102302	14106336	Luận văn *	Luận văn	15(0,15,0)	Bắt buộc		C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														

2.2. Chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp như sau:

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích được kiến thức liên ngành có liên quan vào công việc và cuộc sống	C4
PLO1.1	Minh họa các chủ đề kiến thức lý thuyết chuyên sâu có nội dung về ngôn ngữ, văn hóa, văn học nước ngoài với phương pháp luận khoa học	C3
PLO1.2	Phân tích những kiến thức liên ngành có liên quan đến ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài để đánh giá các vấn đề có liên quan	C4
PLO2	Tổng hợp được kiến thức có hệ thống, sâu, rộng về các nguyên lý, lý thuyết và thực tế liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh	C5
PLO2.1	Phân tích các kiến thức chung về quản trị và quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và văn học nước ngoài	C5
PLO2.2	Tổng hợp những kiến thức liên ngành có liên quan để đánh giá các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Áp dụng thành thạo kỹ năng tổng hợp xác định vấn đề, thiết kế thực nghiệm và phân tích dữ liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển	P4
PLO3.1	Áp dụng thành thạo khoa học dữ liệu và thông tin liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa và văn học nước ngoài để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề nghiên cứu trọng tâm	P4

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
PLO3.2	Kết hợp lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ phục vụ nghiên cứu các vấn đề trọng tâm	P4
PLO4	Thể hiện thuần thục kỹ năng thuyết trình hoặc viết báo cáo các kết quả nghiên cứu khoa học	P4
PLO4.1	Đánh giá các nguồn thông tin khoa học và bằng chứng khoa học (tổng quan lý thuyết)	P4
PLO4.2	Đáp ứng các nội dung liên chính, tôn trọng đạo đức nghiên cứu và sở hữu trí tuệ	P4
PLO5	Đáp ứng các nội dung đạo đức nghiên cứu (research ethics) và sở hữu trí tuệ	A4
PLO5.1	Phân tích các nguyên tắc đạo đức để đưa ra các giải pháp trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	A4
PLO5.2	Thể hiện thuần thục kỹ năng thuyết trình hoặc viết báo cáo các kết quả nghiên cứu khoa học	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Thể hiện chính xác kỹ năng trình bày và thảo luận bằng lời nói và văn bản, trực quan hóa dữ liệu, sử dụng ngôn ngữ là Tiếng Anh	P3
PLO6.1	Thực hiện đúng kỹ năng thuyết trình hoặc viết báo cáo các kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh	P3
PLO6.2	Thực hiện trích dẫn đúng các nguồn thông tin khoa học và bằng chứng khoa học (tổng quan lý thuyết) trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Khả năng tư duy, sử dụng công nghệ một cách sáng tạo và thực hiện nghiên cứu khoa học để tạo ra những	R4

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
	hiểu biết mới hoặc giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực ngành Ngôn ngữ Anh.	
PLO7.1	Điều hành và hướng dẫn người khác thực hiện các hoạt động chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và văn học	R4
PLO7.2	Phân tích và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và độc đáo	R4
PLO8	Áp dụng thành thực công tác quản lý các hoạt động phát triển chuyên môn và nghề nghiệp trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài.	P4
PLO8.1	Kết hợp các kỹ năng ra quyết định mang tính chuyên gia để phát triển chuyên môn và nghề nghiệp	P4
PLO8.2	Kết hợp các nguyên tắc đạo đức trong các giải pháp trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	P4

Ghi chú:

*MĐNL (Mức độ năng lực) trong bảng này được đo theo các thang: Kiến thức (Bloom's Taxonomy- Cognitive domain); Kỹ năng hành vi (Bloom's Taxonomy - Psychomotor domain); Kỹ năng cảm xúc- thái độ (Bloom's Taxonomy - Affective domain) và Trình độ năng lực (Crawley-Proficiency **R**ating scale).*

2.4. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
1.	0312100409		Triết học	Kiến thức chung	4(4,0,0)	Bắt buộc			C3			P3		R3
2.	0312102279	14100330	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ	Kiến thức chuyên ngành	3(3,0,0)	Bắt buộc	C4	C5		P4		P3	R4	P4
3.	0312102280	14100334	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Bắt buộc	C3			P4	P4		R4	P4
4.	0312102287	14100333	Thống kê trong Ngôn ngữ	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4			R4	
5.	0312102304	14100332	Thiết kế nội dung môn học và phát triển tài liệu	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Bắt buộc	C4			P4	P4	A4	P3	R4
6.	0312102283	14100309	Định hướng mới trong ngành Ngôn ngữ Anh	Kiến thức chuyên ngành	3(3,0,0)	Tự chọn	C3	C5		P4	P4		P3	R4
7.	0312102284	14100310	Giao tiếp liên văn hoá	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn	C4	C5			P4		P3	R4

8.	0312102311	14100317	Ngôn ngữ học máy tính	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn			P4	P4			R4	
9.	0312102314	14100301	Biên dịch nâng cao	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn		C5	P4	P4			R4	
10.	0312102317	14100314	Lý thuyết dịch nâng cao	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4		P3		P4
11.	0312102336	14100307	Ngôn ngữ học ứng dụng	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4		P3	R4	
12.	0312102404	14100425	Giao tiếp đa phương tiện	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	2(2,0,0)		C5			A4			P4
13.	0312102282	14100338	Tiếng Anh toàn cầu	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Bắt buộc		C5		P4	P4		P3	R4
14.	0312102290	14100311	Phân tích diễn ngôn	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Bắt buộc	C4	C5		P4	P4	A4	P3	R4
15.	0312102297	14100312	Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ	Kiến thức chuyên ngành	2(2,0,0)	Bắt buộc	C4	C5		P4	P4		P3	R4
16.	0312102306	14100331	Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ nâng cao	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Bắt buộc		C5		P4	P4	A4	P3	R4

17.	0312102319	14100303	Chính sách và kế hoạch ngôn ngữ	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Bắt buộc		C5		P4	A4		P4	
18.	0312102282	14100338	Tiếng Anh toàn cầu	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Bắt buộc	C3	C5		P4	P4		P3	R4
19.	0312102286	14100316	Ngôn ngữ học đối chiếu	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4			R4	P4
20.	0312102288	14100322	Ngôn ngữ học tri nhận	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn	C3	C5		P4		A4	P3	R4
21.	0312102291	14100324	Ngôn ngữ học xã hội	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn			P4	P4		P3	R4	
22.	0312102294	14100326	Ngữ dụng học	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn	C3			P4		P3		
23.	0312102295	14100337	Tiếng Anh chuyên ngành	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn	C4	C5			A4		R4	
24.	0312102309	14100327	Ngữ pháp chức năng hệ thống	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn	C3			P4			P3	P5
25.	0312102310	14100311	Hình thái học và cú pháp học	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5			A4			

26.	0312102315	14100329	Phiên dịch nâng cao	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4		P3	R4	
27.	0312102321	14100325	Ngôn ngữ và bản sắc	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4	A4			P4
28.	0312102322	14100319	Ngôn ngữ học pháp lý	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4	A4		P5	
29.	0312102312	14100318	Ngôn ngữ học ngữ liệu	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn	C4	C5		P4	P4		P3	R4
30.	0312102318	14100321	Ngôn ngữ học tâm lý	Kiến thức chuyên sâu	2(2,0,0)	Tự chọn		C5		P4	P4	A4	P3	R4
31.	0312102307	14104322	Thực tập	Thực tập	8(0,8,0)	Bắt buộc		C5		P4	P4	A4	P3	R4
32.	0312102308	14106308	Đề án	Báo cáo/dự án tốt nghiệp	8(0,8,0)	Bắt buộc	C4	C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														

3. Khối lượng học tập

3.1. Khối lượng học tập chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

TT	Thành phần	Khối lượng học tập	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành	29 tín chỉ	48%
3	Các chuyên đề nghiên cứu, thực tập	12 tín chỉ	20%
4	Luận văn	15 tín chỉ	25%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	100%

3.2. Khối lượng học tập chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

TT	Thành phần	Khối lượng học tập	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành, đồ án học phần, chuyên đề	40 tín chỉ	67%
3	Thực tập	8 tín chỉ	13%
4	Đề án	8 tín chỉ	13%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	100%

4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế: 1,5 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài được quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Văn bằng tốt nghiệp

Cấp bằng Thạc sĩ khi người học hoàn thành chương trình đào tạo, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng đủ các điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo sau đại học của Trường.

6. Chuẩn đầu vào

Người học có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được dự thi/xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi/xét tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi/xét tuyển theo danh mục học phần bổ sung kiến thức.

Các học phần cần học bổ sung theo đối tượng:

Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
- Ngôn ngữ Anh - Sư phạm Tiếng Anh - Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - Văn học Anh - Biên phiên dịch - Ngôn ngữ Anh thương mại - Ngôn ngữ Anh khoa học và kỹ thuật	- Sư phạm tiếng Pháp, sư phạm tiếng Trung Quốc; - Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc. - Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật bản học, Hàn quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học. - Ngôn ngữ học	1. Ngữ pháp tiếng Anh căn bản (3 TC); 2. Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (3 TC); 3. Ngữ Âm và Âm vị học (3 TC); 4. Ngữ nghĩa học (3 TC); 5. Hình vị và Cú pháp (3 TC).

7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh) và Quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập (Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-DCT ngày 22/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Xét và công nhận tốt nghiệp: theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn ngoại ngữ: theo Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn công nghệ thông tin: theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (Ban hành kèm theo Quyết định số 3297/QĐ-DCT ngày 07/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ, người học có kiến thức và kỹ năng, năng lực để thực hiện các công việc chuyên môn ở các nhóm công việc sau:

Nhóm công việc	Vị trí công tác, làm việc
Ngôn ngữ học	- Nghiên cứu Nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ học, ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành tại các trung tâm, Viện nghiên cứu, Sở Khoa học công nghệ, các trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng. - Quản lý nhà nước Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phản biện chính sách ngôn ngữ, văn hoá xã hội, quản lý ngôn ngữ, bảo tồn, quảng bá ngôn ngữ và văn hóa.
Ngôn ngữ học ứng dụng	- Ngôn ngữ hành chính, giảng dạy + Công tác tư vấn cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình, biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; + Giảng dạy tại các cơ sở đào tạo đại học (nếu đáp ứng các quy định đặc thù của ngành sư phạm); - Biên dịch và Phiên dịch + Công tác ở các vị trí quản lý tại bộ phận dịch thuật của các nhà xuất bản, tạp chí, các cơ quan, bộ, ngành; + Công tác ở các vị trí quản lý tại các công ty biên, phiên dịch, tổ chức phi chính phủ, tổ chức nước ngoài, các công ty du lịch, thương mại, dịch vụ, các công ty truyền thông, tổ chức sự kiện; + Công tác ở các vị trí quản lý tại các bộ phận đối ngoại của các cơ quan quản lý nhà nước ở các bộ, ngành, địa phương; - Các vị trí công tác khác Các vị trí công tác cần kiến thức và năng lực ngoại ngữ và văn hoá nước ngoài

10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh, người học có thể tiếp tục nâng cao trình độ ở các bậc đào tạo Tiến sĩ các ngành học sau:

- **Ngành Ngôn ngữ học:** Tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về các lý thuyết ngôn ngữ, lịch sử ngôn ngữ, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học so sánh và đối chiếu, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học máy tính, và nhiều lĩnh vực khác liên quan đến ngôn ngữ học.
- **Ngành Văn học nước ngoài:** Nghiên cứu văn học Anh, văn học Mỹ, văn học của các quốc gia nói tiếng Anh và các tác phẩm văn học dịch, phê bình văn học, lý thuyết văn học, văn học so sánh, và các lĩnh vực khác liên quan đến văn học nước ngoài.
- **Ngành Văn hóa và Xã hội học:** Nghiên cứu về các khía cạnh văn hóa, xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh, phân tích các hiện tượng văn hóa, giao thoa văn hóa, và các vấn đề liên quan đến xã hội học và văn hóa học.

11. Nội dung chương trình đào tạo

11.1. Nội dung chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
Học phần bắt buộc				23	
1	0311100409		Triết học	4(4,0,0)	
2	0311102279	14100330	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ	2(2,0,0)	
3	0311102280	14100334	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	2(2,0,0)	
4	0311102283	14100309	Định hướng mới trong ngành Ngôn ngữ Anh	3(3,0,0)	
5	0311102287	14100333	Thống kê trong Ngôn ngữ	2(2,0,0)	
6	0311102292	14100320	Ngôn ngữ học phong cách	2(2,0,0)	
7	0311102282	14100338	Tiếng Anh toàn cầu	2(2,0,0)	
8	0311102288	14100322	Ngôn ngữ học tri nhận	2(2,0,0)	
9	0311102289	14100315	Nghiên cứu trong dịch thuật	2(2,0,0)	
10	0311102290	14100311	Phân tích diễn ngôn	2(2,0,0)	
Học phần tự chọn				10	
1	0311102284	14100310	Giao tiếp liên văn hoá	2(2,0,0)	
2	0311102286	14100316	Ngôn ngữ học đối chiếu	2(2,0,0)	
3	0311102297	14100312	Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ	2(2,0,0)	
4	0311102336	14100307	Ngôn ngữ học ứng dụng	2(2,0,0)	
5	0311102291	14100324	Ngôn ngữ học xã hội	2(2,0,0)	
6	0311102293	14100302	Cấu trúc ngôn ngữ	2(2,0,0)	
7	0311102294	14100326	Ngữ dụng học	2(2,0,0)	
8	0311102295	14100337	Tiếng Anh chuyên ngành	2(2,0,0)	
9	0311102317	14100314	Lý thuyết dịch nâng cao	2(2,0,0)	
Chuyên đề, thực tập và luận văn				27	
1	0311102298	14100304	Chuyên đề nghiên cứu 1	3(0,3,0)	
2	0311102299	14100305	Chuyên đề nghiên cứu 2	3(0,3,0)	
3	0311102300	14100306	Chuyên đề nghiên cứu 3	3(0,3,0)	
6	0311102301	14104322	Thực tập *	3(0,3,0)	
3	0311102302	14106336	Luận văn *	15(0,15,0)	

11.2. Nội dung chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết
-----	-------------	------------	--------------	------------	-------------------------------------

					(b) song hành (c)
Học phần bắt buộc				22	
1	0312100409		Triết học	4(4,0,0)	
2	0312102279	14100330	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ	2(2,0,0)	
3	0312102280	14100334	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	2(2,0,0)	
4	0312102287	14100333	Thống kê trong Ngôn ngữ	2(2,0,0)	
5	0312102304	14100332	Thiết kế nội dung môn học và phát triển tài liệu	2(2,0,0)	
6	0312102282	14100338	Tiếng Anh toàn cầu	2(2,0,0)	
7	0312102290	14100311	Phân tích diễn ngôn	2(2,0,0)	
8	0312102297	14100312	Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ	2(2,0,0)	
9	0312102306	14100331	Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ nâng cao	2(2,0,0)	
10	0312102319	14100303	Chính sách và kế hoạch ngôn ngữ	2(2,0,0)	
Học phần tự chọn				24	
1	0312102284	14100310	Giao tiếp liên văn hoá	2(2,0,0)	
2	0312102288	14100322	Ngôn ngữ học tri nhận	2(2,0,0)	
3	0312102311	14100317	Ngôn ngữ học máy tính	2(2,0,0)	
4	0312102317	14100314	Lý thuyết dịch nâng cao	2(2,0,0)	
5	0312102322	14100319	Ngôn ngữ học pháp lý	2(2,0,0)	
6	0312102286	14100316	Ngôn ngữ học đối chiếu	2(2,0,0)	
7	0312102291	14100324	Ngôn ngữ học xã hội	2(2,0,0)	
8	0312102404	14100425	Giao tiếp đa phương tiện	2(2,0,0)	
9	0312102294	14100326	Ngữ dụng học	2(2,0,0)	
10	0312102295	14100337	Tiếng Anh chuyên ngành	2(2,0,0)	
11	0312102309	14100327	Ngữ pháp chức năng hệ thống	2(2,0,0)	
12	0312102310	14100311	Hình thái học và cú pháp học	2(2,0,0)	
13	0312102315	14100329	Phiên dịch nâng cao	2(2,0,0)	
14	0312102321	14100325	Ngôn ngữ và bản sắc	2(2,0,0)	
15	0312102312	14100318	Ngôn ngữ học ngữ liệu	2(2,0,0)	
16	0312102314	14100301	Biên dịch nâng cao	2(2,0,0)	
17	0312102318	14100321	Ngôn ngữ học tâm lý	2(2,0,0)	
Thực tập và đề án tốt nghiệp				16	
1	0312102307	14106335	Thực tập	8(0,8,0)	
2	0312102308	14106308	Đề án	8(0,8,0)	

12. Kế hoạch đào tạo

12.1. Kế hoạch đào tạo theo định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1				19	
Học phần bắt buộc				15	
1	0311100409		Triết học	4(4,0,0)	
2	0311102279	14100330	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ	2(2,0,0)	
3	0311102280	14100334	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	2(2,0,0)	
4	0311102283	14100309	Định hướng mới trong ngành Ngôn ngữ Anh	3(3,0,0)	
5	0311102287	14100333	Thông kê trong Ngôn ngữ	2(2,0,0)	
6	0311102292	14100320	Ngôn ngữ học phong cách	2(2,0,0)	
Học phần tự chọn				4	
1	0311102284	14100310	Giao tiếp liên văn hoá	2(2,0,0)	
2	0311102286	14100316	Ngôn ngữ học đối chiếu	2(2,0,0)	
3	0311102304	14100332	Thiết kế nội dung môn học và phát triển tài liệu	2(2,0,0)	
4	0311102336	14100307	Ngôn ngữ học ứng dụng	2(2,0,0)	
Học kỳ 2				20	
Học phần bắt buộc				14	
1	0311102288	14100322	Ngôn ngữ học tri nhận	2(2,0,0)	
2	0311102289	14100315	Nghiên cứu trong dịch thuật	2(2,0,0)	
3	0311102290	14100311	Phân tích diễn ngôn	2(2,0,0)	
4	0311102298	14100304	Chuyên đề nghiên cứu 1	3(0,3,0)	
5	0311102301	14104322	Thực tập *	3(0,3,0)	
6	0311102309	14100327	Ngữ pháp chức năng hệ thống	2(2,0,0)	
Học phần tự chọn				6	
1	0311102291	14100324	Ngôn ngữ học xã hội	2(2,0,0)	
2	0311102293	14100302	Cấu trúc ngôn ngữ	2(2,0,0)	
3	0311102294	14100326	Ngữ dụng học	2(2,0,0)	
4	0311102295	14100337	Tiếng Anh chuyên ngành	2(2,0,0)	
5	0311102317	14100314	Lý thuyết dịch nâng cao	2(2,0,0)	
Học kỳ 3				21	
Học phần bắt buộc				21	
1	0311102299	14100305	Chuyên đề nghiên cứu 2	3(0,3,0)	
2	0311102300	14100306	Chuyên đề nghiên cứu 3	3(0,3,0)	
3	0311102302	14106336	Luận văn *	15(0,15,0)	
Tổng số tín chỉ toàn khóa				60(33/27)	

12.2. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1				20	
Học phần bắt buộc				12	
1	0312100409		Triết học	4(4,0,0)	
2	0312102279	14100330	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ	2(2,0,0)	
3	0312102280	14100334	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	2(2,0,0)	
4	0312102287	14100333	Thống kê trong Ngôn ngữ	2(2,0,0)	
5	0312102304	14100332	Thiết kế nội dung môn học và phát triển tài liệu	2(2,0,0)	
Học phần tự chọn				8	
1	0312102284	14100310	Giao tiếp liên văn hoá	2(2,0,0)	
2	0312102288	14100322	Ngôn ngữ học tri nhận	2(2,0,0)	
3	0312102311	14100317	Ngôn ngữ học máy tính	2(2,0,0)	
4	0312102317	14100314	Lý thuyết dịch nâng cao	2(2,0,0)	
5	0312102322	14100319	Ngôn ngữ học pháp lý	2(2,0,0)	
6	0312102404	14100425	Giao tiếp đa phương tiện	2(2,0,0)	
Học kỳ 2				20	
Học phần bắt buộc				10	
1	0312102282	14100338	Tiếng Anh toàn cầu	2(2,0,0)	
2	0312102290	14100311	Phân tích diễn ngôn	2(2,0,0)	
3	0312102297	14100312	Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ	2(2,0,0)	
4	0312102306	1410033	Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ nâng cao	2(2,0,0)	
5	0312102319	14100303	Chính sách và kế hoạch ngôn ngữ	2(2,0,0)	
Học phần tự chọn				10	
1	0312102286	14100316	Ngôn ngữ học đối chiếu	2(2,0,0)	
2	0312102291	14100324	Ngôn ngữ học xã hội	2(2,0,0)	
3	0312102294	14100326	Ngữ dụng học	2(2,0,0)	
4	0312102295	14100337	Tiếng Anh chuyên ngành	2(2,0,0)	
5	0312102309	14100327	Ngữ pháp chức năng hệ thống	2(2,0,0)	
6	0312102310	14100311	Hình thái học và cú pháp học	2(2,0,0)	
7	0312102315	14100329	Phiên dịch nâng cao	2(2,0,0)	
8	0312102321	14100325	Ngôn ngữ và bản sắc	2(2,0,0)	
Học kỳ 3				20	
Học phần bắt buộc				16	
1	0312102307	14106335	Thực tập	8(0,8,0)	
2	0312102308	14106308	Đề án	8(0,8,0)	
Học phần tự chọn				4	
1	0312102312	14100318	Ngôn ngữ học ngữ liệu	2(2,0,0)	
2	0312102314	14100301	Biên dịch nâng cao	2(2,0,0)	

3	0312102318	14100321	Ngôn ngữ học tâm lý	2(2,0,0)	
---	------------	----------	---------------------	----------	--

13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo

Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo theo Chương trình đào tạo đã được phê duyệt và Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Đối với các Khoa đào tạo, Bộ môn

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình và tư vấn, hướng dẫn cho người học đăng ký các học phần.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương học phần cho giảng viên để triển khai kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết, học trước và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.
- Kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy của giảng viên theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành và đảm bảo các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

14.2. Đối với giảng viên

- Giảng viên cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy và các phương tiện dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho người học để người học chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học theo triết lý giáo dục ‘*Học tập chủ động, làm việc sáng tạo*’, thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra, đánh giá quy định trong đề cương học phần.
- Rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14.3. Đối với người học

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm để lựa chọn học phần cho phù hợp với định hướng và năng lực học tập.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp hoặc tham gia thực hành theo quy định.

- Phát huy tính tự chủ, tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động thảo luận, seminar, thực hành.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận văn/đề án.
- Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

15. Phê duyệt chương trình đào tạo

TP. HCM, ngày tháng năm 2024
TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Tín Nghị
TP. HCM, ngày 23 tháng 4 năm 2024
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT


Nguyễn Xuân Hoàn

TP. HCM, ngày tháng năm 2024
TRƯỞNG NGÀNH SAU ĐẠI HỌC





TS. Trần Tín Nghị
TP. HCM, ngày 23 tháng 4 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Xuân Hoàn

MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo.....	1
2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	4
3. Khối lượng học tập	18
4. Thời gian đào tạo	18
5. Văn bằng tốt nghiệp.....	18
6. Chuẩn đầu vào.....	18
7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập	19
8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....	19
9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp.....	19
10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	20
11. Nội dung chương trình đào tạo	21
12. Kế hoạch đào tạo.....	22
12.1. Kế hoạch đào tạo theo định hướng nghiên cứu	22
12.2. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng	23
13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo	25
14. Hướng dẫn thực hiện.....	25
15. Phê duyệt chương trình đào tạo	26